

Số: 448 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 04 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu số 1 - mua sữa học đường các tháng 3, 4, 5, 9, 10, 11, 12 năm 2021 cho các trường học trên địa bàn tỉnh thuộc đề án “Sữa học đường” của Sở Giáo dục và Đào tạo

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 29/3/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo số 592/BC-STC ngày 01/02/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu số 1 - mua sữa học đường các tháng 3, 4, 5, 9, 10, 11, 12 năm 2021 cho các trường học trên địa bàn tỉnh thuộc đề án “Sữa học đường” của Sở Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

1. Tên gói thầu: Mua sữa học đường các tháng 3, 4, 5, 9, 10, 11, 12 năm 2021 cho các trường học trên địa bàn tỉnh thuộc đề án “Sữa học đường” (Danh mục chi tiết đính kèm).

2. Giá gói thầu khoảng: 264.099.603.000 đồng, (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi bốn tỷ, không trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm linh ba nghìn đồng), đã bao gồm thuế GTGT và hỗ trợ giảm giá 15% từ công ty cung cấp sữa.

- Giá dùng làm căn cứ đánh giá hồ sơ dự thầu cung cấp gói thầu trên căn cứ giá của đơn vị có chức năng thẩm định giá, nhưng không được lớn hơn giá gói thầu trong quyết định này.

- Các chi phí hợp lý phát sinh trong quá trình mua sắm tài sản, dịch vụ, căn cứ các quy định hiện hành, đơn vị thực hiện quyết toán theo thực tế và đảm bảo chế độ hoá đơn chứng từ đầy đủ.

3. Nguồn kinh phí: Từ nguồn ngân sách tỉnh năm 2021 là 155.352.708.000 đồng và kinh phí đóng góp của phụ huynh học sinh là 108.746.895.000 đồng.

4. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, lựa chọn nhà thầu trong nước (qua mạng).

5. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn hai túi hồ sơ.

6. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý I năm 2021.

7. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

8. Thời gian thực hiện hợp đồng: 10 tháng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Thanh*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và Các Phó Chủ tịch;
- Chánh - Phó Văn phòng;
- Lưu: VT, KTNS



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Thanh
anh
Võ Tấn Đức





DANH MỤC CHI TIẾT

(Kèm theo Quyết định số 448 /QĐ-UBND ngày 04 /02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. HÀNG HÓA MUA SẴM

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
1	Sữa tươi 100% - Sữa tươi tiệt trùng có đường Thể tích: 180 ml/hộp	Hộp	43.295.017
Tổng giá trị gói thầu (bao gồm VAT): 264.099.603.000 đồng. (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi bốn tỷ, không trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm linh ba nghìn đồng).			

II. TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

- Phù hợp QCVN 5-1:2010/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các dạng sữa dạng lỏng.

- Phù hợp Thông tư số 31/2019/TT-BYT ngày 05/12/2019 của Bộ Y tế về việc quy định yêu cầu đối với các sản phẩm sữa tươi sử dụng trong chương trình sữa học đường. Sữa đảm bảo đầy đủ 21 thành phần vi chất dinh dưỡng trong sữa tươi học đường, cụ thể:

STT	Tên vi chất	Hàm lượng trung bình trong 100 ml sữa
1	Vitamin D ₃	1 µg – 1,4 µg (40 IU – 56 IU)
2	Canxi	114 mg – 150 mg
3	Sắt	1,4 mg – 1,9 mg
4	Vitamin A	60 µg – 80 µg (200 IU – 270 IU)
5	Vitamin E	0,35 mg – 0,5 mg
6	Vitamin C	6,4 mg – 8,4 mg
7	Vitamin B1	95,0 µg – 125,0 µg
8	Vitamin B2 (riboflavin ^a)	79,1 µg
9	Vitamin B3 (Niacin- PP)	1,0 mg – 1,4 mg
10	Vitamin B5 (Acid Pantothenic)	300 µg – 400 µg
11	Vitamin B6	79,1 µg – 104,1 µg
12	Vitamin B7 (Biotin ^a)	1,3 µg
13	Acid folic (Vitamin B9)	27,5 µg – 37,5 µg
14	Vitamin B12	0,19 µg – 0,3 µg
15	Vitamin K1	2,5 µg – 3,3 µg
16	Kẽm	1,1 mg – 1,6 mg
17	Đồng	61 µg – 90,3 µg
18	I ốt ^a	14,3 µg
19	Selen	3,1 µg – 4,1 µg
20	Phospho	76,0 mg – 100 mg
21	Magiê	10,0 mg – 14,8 mg



- Sản phẩm sữa tươi sử dụng trong Chương trình Sữa học đường phải được cơ sở sản xuất, kinh doanh công bố sản phẩm trước khi lưu thông trên thị trường theo quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm và Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

- Việc ghi nhãn sản phẩm sữa tươi sử dụng trong Chương trình Sữa học đường được thực hiện theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về ghi nhãn hàng hóa và Quyết định số 1783/QĐ-BYT ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Logo cho sản phẩm sữa phục vụ Chương trình Sữa học đường.